

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH XUÂN TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 195/TBĐG-HDXT

Xuân Trường, ngày 22 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc mời tham gia đấu giá quyền sử dụng 227 lô đất cho nhân dân làm nhà ở tại Khu dân cư tập trung (KDCTT) xã Trung Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Công ty đấu giá hợp danh Xuân Trường tổ chức đấu giá quyền sử dụng 227 lô đất cho nhân dân làm nhà ở tại KDCTT xã Trung Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đủ điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất quan tâm theo dõi nội dung thông báo đấu giá tài sản như sau:

1. Người có tài sản đấu giá, Cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị tổ chức đấu giá tài sản:

Người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản.

Cơ quan được giao xử lý việc đấu giá QSDĐ: UBND xã Trung Thành.

Tổ chức đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá Hợp danh Xuân Trường.

2. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ đấu giá, khoản tiền đặt trước tham gia đấu giá của các lô đất và bước giá:

- Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước ĐKTG đấu giá của từng lô đất.

ST T	Vị trí	Lô số	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Phí hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Khu vực
1	CL-01	CL01	92,50	15.500.000	1.433.750.000	287.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2-2)
Cộng		01 lô	92,50		1.433.750.000	287.000.000		
2	CL-01	CL2	104,80	14.000.000	1.467.200.000	293.000.000	500.000	
		CL3	103,80	14.000.000	1.453.200.000	291.000.000	500.000	
		CL4	102,80	14.000.000	1.439.200.000	288.000.000	500.000	

		CL5	101,90	14.000.000	1.426.600.000	285.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2- 2)
		CL6	101,00	14.000.000	1.414.000.000	283.000.000	500.000	
		CL7	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL8	99,00	14.000.000	1.386.000.000	277.000.000	500.000	
		CL9	98,00	14.000.000	1.372.000.000	274.000.000	500.000	
Cộng		08 lô	811,30		11.358.200.000	2.271.000.000		
3	CL-01	CL10	98,70	15.500.000	1.529.850.000	306.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2- 2)
Cộng		01 lô	98,70		1.529.850.000	306.000.000		
4	CI-01	CL11	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	Tuyến đường N1 (Mặt cắt 2- 2)
		CL12	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL13	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL14	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL15	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL16	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL17	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL18	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL19	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL20	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL21	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL22	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL23	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
CL24	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000			

		CL25	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	Tuyến đường N1 (Mặt cắt 2- 2)
		CL26	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL27	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL28	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL29	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	
		CL30	125,00	14.000.000	1.750.000.000	350.000.000	500.000	
Cộng		20 lô	2.025,00		28.350.000.000	5.670.000.000		
5	CL-02	CL68	110,00	15.500.000	1.705.000.000	341.000.000	500.000	Tuyến đường N1 (Mặt cắt 2- 2)
		CL74	107,50	15.500.000	1.666.250.000	333.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	217,50		3.371.250.000	674.000.000		
6	CL-02	CL69	107,00	14.000.000	1.498.000.000	300.000.000	500.000	Tuyến đường N1 (Mặt cắt 2- 2)
		CL70	106,00	14.000.000	1.484.000.000	297.000.000	500.000	
		CL71	106,00	14.000.000	1.484.000.000	297.000.000	500.000	
		CL72	105,00	14.000.000	1.470.000.000	294.000.000	500.000	
		CL73	105,00	14.000.000	1.470.000.000	294.000.000	500.000	
Cộng		05 lô	529,00		7.406.000.000	1.482.000.000		
7	CL-02	CL75	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	Tuyến đường N1 (Mặt cắt 2- 2)
		CL76	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL77	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL78	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL79	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL80	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	

7	CL-02	CL81	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	Tuyến đường N1 (Mặt cắt 2- 2)
		CL82	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL83	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL84	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL85	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL86	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL87	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL88	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL89	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL90	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL91	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
Cộng		17 lô	1.445,00		21.675.000.000	4.335.000.000		
8	CL-02	CL92	102,00	16.500.000	1.683.000.000	337.000.000	500.000	Tuyến đường D3 (Mặt cắt 2- 2)
		CL98	102,00	16.500.000	1.683.000.000	337.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	204,00		3.366.000.000	674.000.000		
9	CL-02	CL93	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	Tuyến đường D3 (Mặt cắt 2- 2)
		CL94	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	
		CL95	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	
		CL96	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	
		CL97	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	
Cộng		05 lô	500,00		7.500.000.000	1.500.000.000		
		CL99	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	

10	CL-02	CL100	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	Tuyến đường N2 (Mặt cắt 3-3)
		CL101	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL102	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL103	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL104	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL105	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL106	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL107	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL108	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL109	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL110	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL111	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL112	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL113	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL114	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL115	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
Cộng		17 lô	1.445,00		21.675.000.000	4.335.000.000		
11	CL-03	CL116	106,00	15.500.000	1.643.000.000	327.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2-2)
		CL122	103,00	15.500.000	1.596.500.000	319.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	209,00		3.239.500.000	646.000.000		
		CL117	103,00	14.000.000	1.442.000.000	288.000.000	500.000	
		CL118	103,00	14.000.000	1.442.000.000	288.000.000	500.000	

12	CL-03	CL119	102,00	14.000.000	1.428.000.000	286.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2- 2)
		CL120	102,00	14.000.000	1.428.000.000	286.000.000	500.000	
		CL121	101,00	14.000.000	1.414.000.000	283.000.000	500.000	
Cộng		05 lô	511,00		7.154.000.000	1.431.000.000		
13	CL-03	CL123	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	Tuyến đường N2 (Mặt cắt 3- 3)
		CL124	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL125	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL126	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL127	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL128	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL129	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL130	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL131	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL132	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL133	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL134	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL135	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL136	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL137	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	

		CL138	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL139	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
Cộng		17 lô	1.445,00		21.675.000.000	4.335.000.000		
14	CL-03	CL140	102,00	16.500.000	1.683.000.000	337.000.000	500.000	Tuyến đường D3 (Mặt cắt 2- 2)
		CL146	102,00	16.500.000	1.683.000.000	337.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	204,00		3.366.000.000	674.000.000		
15	CL-03	CL141	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	Tuyến đường D3 (Mặt cắt 2- 2)
		CL142	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	
		CL143	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	
		CL144	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	
		CL145	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	
Cộng		05 lô	500,00		7.500.000.000	1.500.000.000		
16	CL-03	CL147	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	Tuyến đường N3 (Mặt cắt 3- 3)
		CL148	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL149	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL150	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL151	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL152	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL153	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	

16	CL-03	CL154	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	Tuyến đường N3 (Mặt cắt 3-3)
		CL155	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL156	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL157	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL158	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL159	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL160	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL161	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL162	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
		CL163	85,00	15.000.000	1.275.000.000	255.000.000	500.000	
Cộng		17 lô	1.445,00		21.675.000.000	4.335.000.000		
17	CL-05	CL214	106,50	15.500.000	1.650.750.000	330.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2-2)
		CL221	102,50	15.500.000	1.588.750.000	330.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	209,00		3.239.500.000	660.000.000		
18	CL-05	CL215	85,00	14.000.000	1.190.000.000	238.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2-2)
		CL216	85,00	14.000.000	1.190.000.000	238.000.000	500.000	
		CL217	84,50	14.000.000	1.183.000.000	237.000.000	500.000	
		CL218	84,00	14.000.000	1.176.000.000	235.000.000	500.000	
		CL219	83,50	14.000.000	1.169.000.000	234.000.000	500.000	

		CL220	83,00	14.000.000	1.162.000.000	232.000.000	500.000	
Cộng		06 lô	505,00		7.070.000.000	1.414.000.000		
19	CL-05	CL239	112,00	16.500.000	1.848.000.000	370.000.000	500.000	Tuyến đường D3 (Mặt cắt 2- 2)
Cộng		01 lô	112,00		1.848.000.000	370.000.000		
20	CL-05	CL240	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	Tuyến đường D3 (Mặt cắt 2- 2)
		CL241	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	
		CL242	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	
		CL243	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	
		CL244	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	
Cộng		05 lô	450,00		6.750.000.000	1.350.000.000		
21	CL-05	CL257	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	Tuyến đường N5 (Mặt cắt 2- 2)
		CL258	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL259	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL260	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL262	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL263	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
Cộng		06 lô	555,00		8.325.000.000	1.668.000.000		
		CL222	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL223	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	

22	CL-05	CL224	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	Tuyến đường N4 (Mặt cắt 3-3)
		CL225	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL226	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL227	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL228	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL229	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL230	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL231	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL232	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL233	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL234	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL235	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL236	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL237	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL238	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
Cộng		17 lô	1.572,50		23.587.500.000	4.726.000.000		
23	BT-01	BT2	260,00	15.000.000	3.900.000.000	780.000.000	500.000	Tuyến đường D2 (Mặt cắt 3-3)
		BT3	260,00	15.000.000	3.900.000.000	780.000.000	500.000	
		BT4	260,00	15.000.000	3.900.000.000	780.000.000	500.000	

		BT5	260,00	15.000.000	3.900.000.000	780.000.000	500.000	
Cộng		04 lô	1.040,00		15.600.000.000	3.120.000.000		
24	CL-04	CL164	112,00	15.500.000	1.736.000.000	347.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2- 2)
		CL171	109,00	15.500.000	1.689.500.000	338.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	221,00		3.425.500.000	685.000.000		
25	CL-04	CL165	89,50	14.000.000	1.253.000.000	251.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2- 2)
		CL166	89,00	14.000.000	1.246.000.000	249.000.000	500.000	
		CL167	89,00	14.000.000	1.246.000.000	249.000.000	500.000	
		CL168	88,50	14.000.000	1.239.000.000	248.000.000	500.000	
		CL169	88,00	14.000.000	1.232.000.000	246.000.000	500.000	
		CL170	88,00	14.000.000	1.232.000.000	246.000.000	500.000	
Cộng		06 lô	532,00		7.448.000.000	1.489.000.000		
26	CL-04	CL172	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	Tuyến đường N3 (Mặt cắt 3- 3)
		CL173	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL174	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL175	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL176	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL177	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL178	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL179	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL180	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	

26	CL-04	CL181	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	Tuyến đường N3 (Mặt cắt 3-3)
		CL182	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL183	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL184	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL185	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL186	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL187	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL188	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
Cộng		17 lô	1.572,50		23.587.500.000	4.726.000.000		
27	CL-04	CL189	112,00	16.500.000	1.848.000.000	370.000.000	500.000	Tuyến đường D3 (Mặt cắt 2-2)
		CL196	112,00	16.500.000	1.848.000.000	370.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	224,00		3.696.000.000	740.000.000		
28	CL-04	CL190	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	Tuyến đường D3 (Mặt cắt 2-2)
		CL191	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	
		CL192	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	
		CL193	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	
		CL194	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	
		CL195	90,00	15.000.000	1.350.000.000	270.000.000	500.000	
Cộng		06 lô	540,00		8.100.000.000	1.620.000.000		
		CL197	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL198	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL199	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL200	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL201	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	

29	CL-04	CL202	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	Tuyến đường N4 (Mặt cắt 3-3)
		CL203	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL204	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL205	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL206	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL207	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL208	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL209	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL210	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL211	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL212	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		CL213	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
		Cộng		17 lô	1.572,50		23.587.500.000	
30	CL-06	CL303	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	Tuyến đường N5 (Mặt cắt 2-2)
		CL304	92,50	15.000.000	1.387.500.000	278.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	185,00		2.775.000.000	556.000.000		
31	CL-08	CL343	97,50	15.500.000	1.511.250.000	302.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2-2)
		CL359	89,00	15.500.000	1.379.500.000	276.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	186,50		2.890.750.000	578.000.000		
32	CL-09	CL363	94,90	22.000.000	2.087.800.000	418.000.000	500.000	Tuyến đường D1 (Mặt cắt 1-1)
Cộng		01 lô	94,90		2.087.800.000	418.000.000		

33	CL-10	CL406	90,00	14.600.000	1.314.000.000	263.000.000	500.000	Tuyến đường N6 (Mặt cắt 2-2)
Cộng		01 lô	90,00		1.314.000.000	263.000.000		
34	CL-10	CL412	76,30	15.500.000	1.182.650.000	237.000.000	500.000	Tuyến đường D5 (Mặt cắt 2-2)
		CL415	80,60	15.500.000	1.249.300.000	250.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	156,90		2.431.950.000	487.000.000		
35	CL-10	CL413	81,90	14.000.000	1.146.600.000	229.000.000	500.000	Tuyến đường D2 (Mặt cắt 3-3)
		CL414	81,20	14.000.000	1.136.800.000	227.000.000	500.000	
Cộng		02 lô	163,10		2.283.400.000	456.000.000		
Tổng		227 lô	21.663,90		322.321.950.000	64.507.000.000		

Tổng diện tích đấu giá là: 21.663,9 m² bao gồm 227 lô đất với tổng giá khởi điểm 322.321.950.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi hai tỷ, ba trăm hai mươi mốt triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn. /.*)

- **Bước giá** được áp dụng cho tất cả các lô đất đấu giá: Người có TSDG quy định là 100.000đ/m² trở lên (giá trả phải chẵn chục nghìn đồng), bước giá là cơ sở để xác định giá trả hợp lệ của người tham gia đấu giá.

3. Thời gian, địa điểm bán và thu nhận hồ sơ, nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá.

a. Thời gian, địa điểm bán và thu nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: Từ ngày 30/11/2023 đến trước 15h ngày 14/12/2023 (*trong giờ hành chính*) tại UBND xã Trung Thành, huyện Vụ Bản và tại trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Xuân Trường.

Phương thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại UBND xã Trung Thành, huyện Vụ Bản hoặc tại trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Xuân Trường

Khách hàng Lưu ý: Người tham gia đấu giá phải nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá trước 15h ngày 14/12/2023. Các trường hợp chuyển đến sau 15h ngày xã Trung Thành sẽ không hợp lệ và Công ty Đấu giá Hợp danh Xuân Trường sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào với các hồ sơ này.

b. Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá, cụ thể là ngày 13/12; 14/12; 15/12/2023 (Hạn chót trước 15h ngày 15/12/2023) khách hàng chủ động nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty đấu giá mở tại ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Xuân Trường, hoặc ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Vụ Bản, các phòng giao dịch của Ngân hàng huyện Xuân Trường hoặc huyện Vụ Bản.

Lưu ý: - Khách hàng có thể nộp trước thời hạn quy định nhưng phải cam kết không được có ý kiến khiếu nại gì.

Đơn vị thụ hưởng: Công ty đấu giá hợp danh Xuân Trường

+ Tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Xuân Trường. Số tài khoản: **3205201006468**

+ Tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Vụ Bản. Số tài khoản: **3211201003051**

+ Nội dung: “Tên người tham gia đấu giá – Số CMND/CCCD” nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSDĐ đối với lô đất số..... tại KDCTT xã Trung Thành.

Mỗi một lô đất đấu giá tương ứng với một phiếu nộp tiền. Khi nộp tiền đặt trước tại Ngân hàng, khách hàng yêu cầu Ngân hàng in 03 liên giấy nộp tiền và khách hàng lấy lại 02 liên: 01 liên nộp cho Công ty đấu giá hợp danh Xuân Trường và 01 liên khách hàng tự lưu

4. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá bao gồm:

- Đơn đề nghị tham gia đấu giá theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Xuân Trường. Người tham gia đấu giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại và các thông tin yêu cầu trên mẫu đơn và ký tên .

- Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân (*bản sao công chứng hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu*).

- Chứng từ Giấy nộp tiền hoặc ủy nhiệm chi của khách hàng đã nộp vào tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Xuân Trường hoặc huyện Vụ Bản về việc đã nộp các khoản tiền đặt trước của mình để xác nhận đã nộp tiền (*trong trường hợp đã nộp tiền đặt trước*).

- Phiếu thu tiền mua hồ sơ (*để đối chiếu*)

- Hợp đồng ủy quyền có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

5. Thời gian, địa điểm xem thực địa

Thời gian xem thực địa: 02 ngày (ngày 04/12; 05/12/2023).

Địa điểm: Tại khu đất đấu giá đã được UBND huyện Vụ Bản phê duyệt.

Ngoài thời gian trên người tham gia đấu giá có thể tự tìm hiểu thực địa khu đất đấu giá, không nhất thiết phải đúng ngày quy định nêu trên.

6. Hình thức, phương thức, cách thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Trả giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng đối với từng lô (thửa) đất tại cuộc đấu giá
- Phương thức trả giá: Trả giá lên.
- Cách thức đấu giá: Người tham gia đấu giá trả giá theo m^2 và nhận đất theo lô, giá mua 01 lô đất sẽ bằng giá trúng đấu giá $01m^2$ đất đấu giá nhân với diện tích 01 lô đất trúng đấu giá.

7. Giá trả hợp lệ, giá trúng đấu giá:

- Giá trả hợp lệ là giá trả cho $01m^2$ đất đối với từng lô đất đấu giá được ghi trong phiếu đấu giá và trả giá theo quy định, cụ thể: Là giá phải trả bằng hoặc lớn hơn giá khởi điểm.

- Giá trúng đấu giá: Phải là giá cao hơn giá khởi điểm tối thiểu ít nhất một bước giá trở lên cho $01m^2$ đất đối với từng lô đất đấu giá.

8. Thời gian, địa điểm đấu giá:

Thời gian mở cuộc đấu giá: Buổi chiều từ 13 giờ 30 phút ngày 17/12/2023.

Địa điểm mở cuộc đấu giá: Hội trường UBND xã Trung Thành.

Địa chỉ: xã Trung Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Mọi thông tin xin liên hệ:

Công ty đấu giá hợp danh Xuân Trường. Địa chỉ: Tổ 3 (Tổ 18 cũ) thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường. Điện thoại/Fax: 02283.769.769

Nơi nhận:

- UBND huyện Vụ Bản;
- UBND xã Trung Thành;
- Công TTĐT Quốc gia về ĐGTS;
- Lưu: VT



GIÁM ĐỐC

Lê Huy Thông